

Số: 22/BC-THPĐA

Uông Bí, ngày 10 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ giáo dục tiểu học học kì I
Năm học 2024– 2025

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo

Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục tiểu học

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học phù hợp với tình hình điều kiện thực tiễn nhà trường. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo đầy đủ đúng mẫu theo Công văn 2345/BGDĐT. Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch giáo dục được công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

2. Đánh giá quy mô trường, lớp, học sinh

Khối	Lớp	Tổng số	Nữ	DT	Nữ DT	Nghèo	Cận nghèo	HSKT	Mồ côi	
1	1A1	28	13	1	1					
	1A2	29	13	2	1					
	1A3	29	13							
		86	39	3	2	0	0	0	0	
2	2A1	32	15	3	1			1		
	2A2	29	12	5		1				
	2A3	34	16							
		95	43	8	1	1	0	1	0	
3	3A1	36	14							
	3A2	33	14							
	3A3	33	16	1	1					
		102	44	1	1	0	0	0	0	
4	4A1	36	18	1	1					
	4A2	32	10	2	1		1			
	4A3	38	16	2						
		106	44	5	2	0	1	0	0	
5	5A1	34	15							
	5A2	33	15	1	1					

	5A3	33	12							
		100	42	1	1	0	0	0	0	
Tổng	14	489	212	18	7	1	1	1	0	

Tổng số lớp: 15 lớp; 489 HS (đạt 100% so với kế hoạch phát triển giáo dục; giảm 03 học sinh so với năm học trước)

Các lớp học được tổ chức theo đúng Điều lệ và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ qua đó phát huy được vai trò của HS trong lớp.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tính đến tháng 01/2025, tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) có mặt là 28.

Số giáo viên chia ra như sau: GV tiểu học: 18 (04 HĐTP); GV Âm nhạc: 01; GV Mỹ thuật: 01; GV thể dục: 01; GV Tin học: 01; GV Tiếng Anh: 02

Cán bộ quản lý						Giáo viên				Nhân viên		
Tổng số	HT	PHT	Tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn	Số lượng thừa (+)/ thiếu (-) so với quy định	Số lượng thừa (+)/ thiếu (-) so với biên chế giao	Tổng số	Tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn	Số lượng thừa (+)/ thiếu (-) so với quy định	Số lượng thừa (+)/ thiếu (-) so với biên chế giao	Tổng số	Số lượng thừa (+)/ thiếu (-) so với quy định	Số lượng thừa (+)/ thiếu (-) so với biên chế giao
02	1	1	100%	0	0	24	91,66%	0	0	2	-1	0

4. Thực trạng tổ chức dạy và học

4.1. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của cấp trên: Kế hoạch giáo dục nhà trường; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025; Kế hoạch về công tác kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025; Kế hoạch đánh giá, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn giáo viên trường tiểu học năm học 2024-2025; Kế hoạch về công tác bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024-2025; Kế hoạch công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024-2025; Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2024-2025; Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2024-2025; Kế hoạch công tác y tế trường học, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị, công tác học sinh giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học năm học 2024-2025; Kế hoạch thực hiện công tác bán trú năm học 2024-2025...

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT ban hành:

- Bố trí 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỷ lệ 1,5 giáo viên/ lớp và cơ cấu giáo viên dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày;

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình; tổ chức các hoạt động củng cố đề học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT ban hành, hướng dẫn.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Căn cứ vào CSVC, tình hình đội ngũ giáo viên của đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học 02 buổi/ngày trong điều kiện cụ thể như sau:

Hoạt động giáo dục	K1	K2	K3	K4	K5
1. Môn học/ Hoạt động giáo dục bắt buộc					
Tiếng Việt	12	10	7	7	7
Toán	3	5	5	5	5
Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)			4	4	4
Đạo đức	1	1	1	1	1
Tự nhiên và xã hội	2	2	2		
Lịch sử và Địa lý				2	2
Khoa học				2	2
Tin học và Công nghệ (Tin học)			1	1	1
Tin học và Công nghệ (Công nghệ)			1	1	1
Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2
Nghệ thuật (Âm nhạc)	1	1	1	1	1
Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1	1	1	1	1
Chào cờ	1	1	1	1	1
Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề	1	1	1	1	1
SHL	1	1	1	1	1
	25	25	28	30	30
2. Môn học tự chọn					
Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	2	2			
3. Hoạt động củng cố, tăng cường					
BĐKT	2	2	2	2	2
THKT Âm nhạc	1	1			

GDKNCDS	1	1			
TH Tin học			1		
THKT khác (ATGT, KNS-K1); (ATGT, KNS, ĐDBH-K2-3); (ATGT, KNS, ĐDBH, Đọc sách K4-K5);	1	1	1	1	1
Đọc sách	1	1	1		
Tổng số tiết học/ tuần	33	33	33	33	33

- Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa để phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, trong HKI đã thực hiện:

TT	Nội dung	Thời gian	Hình thức	Thành phần
1	Trang trí lớp học thân thiện	Tháng 10/2024	HĐTN	CBQL, TPT, NV; GVCN, HS, PH 15 lớp
2	Kỷ niệm ngày NGVN 20/11	Tháng 11/2024	HĐNK	- Đại biểu; - CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
3	Kỷ niệm ngày TLQĐNDVN 22/12	Tháng 12/2024	HĐTN	CBQL, TPT, GV, NV, HS, PH toàn trường
4	Rung chuông vàng Tiếng Anh	Tháng 01/2025	HĐNK	CBGVNV, TT Tiếng Anh Ocean Edu

- Đã tổ chức Hội thi Viết chữ và trình bày bài đẹp cấp trường, tham gia cấp thành phố.

4.2. Thực hiện quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tích thực hiện các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Tiếp tục triển khai phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo hướng dẫn tại công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013, công văn số 2674/SGD&ĐT-GDTH ngày 15/10/2014. Thực hiện 01 chủ đề/ học kỳ.

- Tiếp tục dạy học Mĩ thuật tại tất cả các khối lớp theo PPDH Đan Mạch đảm bảo mỗi học kỳ thực hiện ít nhất 01 chủ đề/ năm học; vận dụng có hiệu quả “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học, bài học phù hợp; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học

- Tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

- Thực hiện SHCM theo đúng hướng dẫn tại công văn số 1023/SGD&ĐT-GDTH ngày 28/4/2020 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh.

- Tiếp tục thực hiện dạy học tích hợp các nội dung giáo dục (giáo dục địa phương; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục kĩ năng sống; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục tài nguyên môi trường biển và

hải đảo; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học; giáo dục về quyền con người, hệ giá trị lịch sử, văn hoá, con người Quảng Ninh,...) ở tiểu học linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng học sinh, địa phương và nhà trường (*thực hiện lồng ghép giáo dục kỹ năng sống theo sách Kỹ năng sống, nội dung giáo dục Bác Hồ và những bài học về Bác, tài liệu giáo dục an toàn giao thông vào các tiết buổi 2*; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học, ứng phó kịp thời với diễn biến dịch bệnh truyền nhiễm... cho học sinh;

- Học kì I, nhà trường tổ chức thành công 5 chuyên đề, trong đó có 2 chuyên đề cấp tổ; 03 chuyên đề cấp trường nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh theo chương trình GDPT 2018.

Nhà trường cử CBQL, GV tham gia đầy đủ các chuyên đề cấp thành phố, chuyên đề cấp cụm cũng như các đợt tập huấn (Tập huấn về TT27/2020; Kiểm định chất lượng GD.... để CBQL, GV được bồi dưỡng nâng cao trình độ và nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh: Nhà trường tổ chức thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT; sử dụng hiệu quả phần mềm SMAS trong quản lý và đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường; sử dụng Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục và Học bạ trong đánh giá, quản lý kết quả giáo dục học sinh trích xuất trên phần mềm SMAS. Nghiêm túc cập nhật kết quả đánh giá lên trang Cơ sở dữ liệu ngành.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ: Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ hồ sơ theo quy định. Đã tổ chức KTĐK giữa HKI, Cuối HKI. Cập nhật kết quả trên phần mềm kịp thời và thực hiện trích xuất kết quả các kỳ kiểm tra lưu hồ sơ theo quy định.

5. Đánh giá về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Về đội ngũ giáo viên

Tổng số giáo viên đến tháng 12/2025: 24 đ/c. Trong đó:

+ GV văn hoá: 18 đồng chí;

+ GVBM: 06 đồng chí (Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, TD);

+ TPT: 01 đồng chí (*GV Âm nhạc kiêm nhiệm*)

Đội ngũ giáo viên của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trong năm học không có giáo viên nào vi phạm phải bị xử lý kỉ luật. 100% giáo viên được tham gia tập huấn về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học:

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu dạy - học trong giai đoạn đổi mới. Nhà trường có tổng diện tích là 15445,3m² đạt 28,39 m²/HS. Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Nhà trường có hệ thống cây xanh bóng mát, vườn hoa đảm bảo trường học thân thiện. Hệ thống cổng trường, tường rào đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Tổng số phòng học: 15 phòng. Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học, diện tích 50m²/ phòng. Phòng học, bàn ghế và bảng lớp đảm bảo theo quy định tại TT liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT. Phòng học có hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống quạt; có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

- Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

- Trong năm, thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Hàng tuần, giáo viên lập phiếu mượn và thực hiện mượn trả đồ dùng và sử dụng trong các tiết dạy theo đúng quy định, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia: Tiếp tục thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở GDPT và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT. Đề tiếp tục chu kỳ 2021 - 2026 cho công tác tự đánh giá của nhà trường đạt kết quả.

- Về công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo

Đội ngũ CBQL của nhà trường có đủ theo Điều lệ trường tiểu học, trình độ đào tạo đáp ứng các tiêu chí của trường chuẩn QG mức độ 2. CBQL được đánh giá đạt Tốt theo Chuẩn HT và PHT. CBQL tham gia tập huấn đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn do Phòng GD&ĐT tổ chức, có năng lực trong công tác điều hành chỉ đạo nhà trường.

- Công tác kiểm tra nội bộ:

Nhà trường thực hiện kiểm tra công tác Quản lý và lưu giữ Hồ sơ của các đ/c: Kế toán; Nhân viên Thư viện – Thiết bị; các tổ chuyên môn kết quả cụ thể:

- + Cá nhân: Xếp loại Tốt: 02 đ/c (Trần Thị Trang, Phạm Thị Vân)

- + Hồ sơ tổ chuyên môn: Xếp loại Tốt

+ Tổng số GV được kiểm tra: 05 đồng chí kết quả cụ thể:

STT	Họ và tên	Kết quả xếp loại từng lĩnh vực		Xếp loại chung
		Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống	Chuyên môn nghề nghiệp	
1	Vũ Thị Bích Loan	Tốt	Tốt	Tốt
2	Nguyễn Thị Hải Yến	Tốt	Tốt	Tốt
3	Hà Thị Lâm	Tốt	Tốt	Tốt
4	Đinh Thị Thanh Đào	Tốt	Tốt	Tốt
5	Vũ Hà Giang	Tốt	Tốt	Tốt

Tổng hợp chung kết quả KTNB học kỳ I năm học 2024-2025 của giáo viên:

Tốt		Khá		Đạt yêu cầu		Chưa ĐYC	
SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
5	100%	0	0	0	0	0	0

6. Đánh giá chung

6.1. Kết quả đạt được

Trường Tiểu học Phương Đông A đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, đạt được những kết quả tích cực, kịp thời ban hành các văn bản, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học theo chỉ đạo của Phòng GD&ĐT. Thực hiện quyền tự chủ của Nhà trường trong việc vận dụng chương trình, sách giáo khoa, điều chỉnh tài liệu tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, hiệu quả sát đối tượng học sinh, trong đó chú trọng quản lý hoạt động dạy học của giáo viên. Năm học 2024 - 2025, nhà trường huy động được 100% số trẻ trong độ tuổi ra lớp và duy trì số lượng đến cuối Học kỳ I là: 489 HS. Cùng với các trường trên địa bàn phường làm tốt công tác giữ chuẩn Phổ cập GDTH đúng độ tuổi năm 2024; Hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp trên tiếp tục công nhận đạt chuẩn phổ cập GDTH đúng độ tuổi cấp độ 3.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về Chương trình GDPT 2018 và sử dụng sách giáo khoa mới; cơ sở vật chất trường, lớp được củng cố, đảm bảo tỷ lệ 01 lớp/ phòng học. Đáp ứng cơ sở vật chất cho 100% học sinh được học 2 buổi/ ngày.

Triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt, thể hiện sự sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT. Thực hiện nghiêm túc việc dạy và học, đảm bảo việc giảng dạy chương trình GDPT 2018.

* Chất lượng giáo dục trong học kỳ I năm học 2024-2025:

Đánh giá theo TT27: Tổng số 489 học sinh (K1: 86; K2: 95; K3: 102; K4: 106; K5: 100)

T T	I. Các môn học và hoạt động giáo dục Lớp	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiếng Việt	421	86,09	68	13,91		
2	Toán	423	86,5	65	13,3	1	0,2
3	TN-XH	193	68,19	90	31,81		
4	Khoa học	193	93,68	13	6,32		
5	LS-ĐL	194	94,17	12	5,83		
6	Tiếng Anh	382	78,11	94	19,22	13	2,67
7	Đạo đức	412	84,25	77	15,75		
8	Hoạt động trải nghiệm	365	74,64	124	25,36		
9	Giáo dục thể chất	365	74,64	124	25,36		
10	Tin học và Công nghệ (T. học)	246	79,87	49	15,9	13	4,23
11	Tin học và Công nghệ (CN)	283	91,89	25	8,11		
12	Nghệ thuật (Âm nhạc)	350	71,57	139	28,43		
13	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	283	57,87	206	42,13		
T T	II. Những phẩm chất chủ yếu	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Yêu nước	461	94,27	28	5,73		
2	Nhân ái	453	92,63	36	7,37		
3	Chăm chỉ	314	64,21	156	31,9	19	3,89
4	Trung thực	416	85,07	73	14,93		
5	Trách nhiệm	350	71,57	137	27,63	4	0,81
T T	III. Những năng lực cốt lõi	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Những năng lực chung						
	Tự chủ và tự học	355	72,59	125	25,56	9	1,85
	Giao tiếp và hợp tác	393	80,36	96	19,64		
	Giải quyết vấn đề sáng tạo	287	58,69	183	37,42	19	3,89
2	Những năng lực đặc thù						
	Ngôn ngữ	421	86,09	63	12,91	5	1,02
	Tính toán	423	86,5	65	13,6	1	0,2
	Khoa học	399	81,6	90	18,4		
	Công nghệ	283	91,88	25	8,12		
	Tin học	247	80,19	48	15,59	13	4,22
	Thẩm mĩ	326	66,67	163	33,33		
	Thể chất	357	73,0	132	27,0		

+ Các môn học và hoạt động giáo dục còn 1 số HS chưa hoàn thành: Tin học (3 HS khối 3; 6 HS khối 4; 4 HS khối 5); Toán (1HS khối 4); Tiếng Anh (8HS khối 4; 5HS khối 5).

+ Những phẩm chất chủ yếu còn 1 số HS Cần cố gắng (chăm chỉ: 03 HS khối 3, 12 HS khối 4, 4HS khối 5); (trách nhiệm: 02 HS khối 3, 02HS khối 5)

+ Những năng lực cốt lõi (năng lực chung) còn 1 số HS Cần cố gắng: tự chủ và tự học (3HS khối 3; 2 HS khối 4; 4HS khối 5); giải quyết vấn đề sáng tạo (3HS khối 3; 12 HS khối 4; 4HS khối 5).

+ Những năng lực cốt lõi (năng lực đặc thù) còn 1 số HS Cần cố gắng: tin học (3 HS khối 3; 6HS khối 4; 4HS khối 5); tính toán (1HS khối 4); ngôn ngữ (5HS khối 5).

* Công tác Bồi dưỡng HS năng khiếu:

- Cấp trường:

+ Viết chữ đẹp 55 giải (10 giải Nhất; 10 giải Nhì; 15 giải Ba; 20 giải KK);

+ IOE đạt 10 giải: 04 Nhất (01 KK toàn quốc cấp trường), 03 Nhì, 03 Ba;

- Cấp TP:

+ Viết chữ đẹp 05 giải (01 giải Nhất, 04 giải KK);

+ TDDT: Giải KK môn Điền kinh toàn đoàn.

6.2. Khó khăn

- Sự quan tâm đầu tư cho học tập của con em ở một bộ phận nhân dân còn hạn chế do điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình. Ngoài ra, một số HS dân tộc ở vùng cao theo bố mẹ về đây sinh sống, trình độ nhận thức của học sinh có nhiều hạn chế, phụ huynh cũng chưa quan tâm nhiều đến việc học của con em.

- Công tác theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho HS còn hạn chế do nhà trường không có nhân viên y tế, GV kiêm nhiệm công tác y tế không có chuyên môn nghiệp vụ;

- Đội ngũ GV không ổn định hàng năm do thiếu biên chế.

6.3. Nguyên nhân, giải pháp

Chất lượng đội ngũ giáo viên mặc dù có nhiều cố gắng trong học tập nâng cao trình độ, song một số giáo viên còn hạn chế về năng lực và trong việc cập nhật phương pháp, kỹ thuật dạy học mới. Một số ít giáo viên mới vào nghề chất lượng giờ dạy chưa cao.

6.4. Những bài học kinh nghiệm

Nhà trường tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật, tăng cường công tác nêu gương để nhân rộng mô hình những gương điển hình tiên tiến để làm gương cho đồng nghiệp.

Quan tâm chỉ đạo tốt công tác chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tăng cường bồi dưỡng tiếng Việt và học sinh năng khiếu bằng các nhiều hình thức như tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ hay các hoạt động ngoài giờ lên lớp, bổ sung nhiều sách tuyên hay cho thư viện, chỉ đạo nhân viên thư viện tổ chức giới thiệu sách 01 buổi/ tháng... để kích thích và bồi dưỡng năng

lực tiếng Việt, năng khiếu cho học sinh để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN KHI KẾT THÚC NĂM HỌC

1. Tổ chức thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông

Hoàn thành nhiệm vụ năm học, hoàn thành các chỉ tiêu thi đua đã đề ra cho năm học 2024-2025.

Thực hiện rà soát; tăng cường cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT.

Tổ chức tốt kiểm tra định kì cuối năm và bàn giao chất lượng.

Tổ chức tốt các chuyên đề cấp trường, cấp tổ và các hội thi theo kế hoạch của nhà trường và của PGD;

Tăng cường các biện pháp tuyên truyền phòng ngừa các dịch bệnh, phối hợp với Y tế phường để chăm sóc sức khỏe cho học sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn trong nhà trường.

2. Chuẩn bị các điều kiện duy trì thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Về đội ngũ giáo viên: Cần tích cực học tập, nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục; thường xuyên liên hệ với PHHS, giải đáp những thắc mắc của PHHS và nhân dân về những thay đổi theo đúng bản chất vấn đề để định hướng dư luận một cách đúng đắn.

- Về cơ sở vật chất: Đảm bảo về CSVC, TBDH thực hiện chương trình GDPT mới

- Về dạy học 02 buổi/ngày: Tham mưu các cấp có thẩm quyền xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên, đặc biệt giáo viên tiểu học. Đề nghị tuyển dụng hoặc hợp đồng giáo viên giảng dạy ngay từ đầu tháng 8 để kịp thời cho công tác bồi dưỡng chuyên môn và phân công nhiệm vụ đầu năm học..

3. Dự kiến thời gian kết thúc năm học 2024-2025: ngày 30/5/2025

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Phòng Giáo dục và Đào tạo

1.1. Thay lan can của dãy nhà học 10 phòng và nhà hiệu bộ (do đã quá lâu từ năm 2006, lan can bị han rỉ, mục).

1.2. Thay thế hệ thống cửa tại dãy nhà hiệu bộ do bị mối mọt, một số cửa không còn sử dụng được, không đảm bảo an toàn).

1.3. Quét lại sơn cho 2 dãy nhà học và dãy nhà hiệu bộ từ năm 2006.

1.4. Xây mới hệ thống bờ bao khuôn viên đã bị xuống cấp, nứt vỡ không đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, HS và an ninh trường học và mỹ quan trường học.

2. Với Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí: Không

3. Với Sở Giáo dục và đào tạo: Không

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Uông Bí (B/c);
- UBND phường Phương Đông (B/c);
- PHT, Các tổ chuyên môn trong trường(t/h);
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Nhung